

Thứ sáu, ngày 16 tháng 2 năm 2024

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng trong nghi ngờ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/2/2024		●	
Tuần 19/02 - 23/02/2024		●	
Tháng 2/2024		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường tiếp tục tăng hơn 7 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,209.7 điểm với thanh khoản tốt. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 11/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đã tăng hôm nay, theo sau là ngành Bảo hiểm, Bất động sản. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hiện tại VN-Index vẫn đang trong quá trình lấp gap 1,200 – 1,215, vì vậy trong những phiên tới có thể xảy ra rung lắc trước ngưỡng kháng cự 1,215, nhất là khi đà tăng của chỉ số đang khá mạnh. Tuy nhiên, thanh khoản đang dần trở lại, ủng hộ đà tăng của VN-Index về ngưỡng 1,250.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL vận động cùng chiều với đà tăng của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/2/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+7.2** điểm, đóng cửa **1209.7** điểm. HNX-Index **+0.29** điểm, đóng cửa **233.04** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+1.78)**, **VIC (+1.35)**, **VNM (+1.27)**, **VHM (+0.82)**, **GAS (+0.51)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.56)**, **VCB (-0.4)**, **HDB (-0.24)**, **STB (-0.2)**, **MBB (-0.19)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17505** tỷ đồng, giảm **-5.99%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **18253** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **5.96** điểm. Thị trường có **288** mã tăng, **77** mã tham chiếu, **201** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-400.19** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM(-122.9 tỷ)**, **STB(-119.01 tỷ)**, **VND(-83.64 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-33.35** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+0.71%**. Các mã diễn biến tích cực: **GVR (+6.81%)**, **VNM (+3.55%)**, **VRE (+2.27%)**
- BSC50 **+0.38%**. Các mã diễn biến tích cực: **BCG (+4.74%)**, **HAH (+3.11%)**, **PVT (+2.80%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Hóa chất	3.78%	Dầu khí	-0.09%
Bảo hiểm	2.37%	Hàng cá nhân & Gia	-0.16%
Bất động sản	1.61%	Ngân hàng	-0.20%
Thực phẩm và đồ uống	1.46%	Tài nguyên Cơ bản	-0.26%
Du lịch và Giải trí	1.17%	Y tế	-0.36%
Hàng & Dịch vụ Công	1.10%	Ô tô và phụ tùng	-0.81%
Công nghệ Thông tin	0.90%	Truyền thông	-1.02%
Điện, nước & xăng dầu khí	0.77%		
Bán lẻ	0.53%	VN30	0.61%
Xây dựng và Vật liệu	0.29%	VNSML	0.59%
Dịch vụ tài chính	0.08%	VNMID	0.03%

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1209.70**

Giá trị: 17505 tỷ **7.2 (0.6%)**

Khối ngoại (ròng): -400.19 tỷ

HNX-INDEX **233.04**

Giá trị: 1239.9 tỷ **0.29 (0.13%)**

Khối ngoại (ròng): -33.35 tỷ

UPCOM-INDEX **90.06**

Giá trị: 433.04 tỷ **0.01 (0.01%)**

Khối ngoại (ròng): 26.3 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	78.2	1.98%
Giá vàng	2,004	0.59%
Tỷ giá USD/VND	24,535	0.30%
Tỷ giá EUR/VND	26,419	0.24%
Tỷ giá JPY/VND	163.30	0.10%
LS liên NH 1 tháng	0.81%	
LS TPCP 5 năm	1.37%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DIG	55.36	VNM	-122.90
NVL	41.96	STB	-119.01
VIC	40.91	VND	-83.64
GVR	37.00	MWG	-52.82
PVT	35.13	VIX	-49.79

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 06/02/2024

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	78.16	1.98%	2.54%	7.95%	-0.94%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	82.83	1.51%	1.48%	5.80%	-2.32%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.31	-0.23%	-1.30%	7.61%	-12.62%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	1.59	-1.08%	-16.97%	-35.74%	-39.67%		
TTF Gas	EUR/MWh	24.97	0.44%	-10.23%	-15.81%	-52.00%		
Vàng	Ounce	2,004.16	0.59%	-1.43%	-1.16%	9.07%		PNJ
Bạc	Ounce	22.91	2.40%	1.46%	-0.01%	6.05%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,166.00	-0.38%	-2.30%	-4.99%	-23.35%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.18	0.12%	0.37%	6.73%	-9.71%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	153.10	0.33%	0.92%	-0.65%	10.94%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	22.82	-2.35%	-4.84%	1.33%	6.39%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Ure	USD/T	403.50	-0.37%	-0.37%	14.47%	4.13%		DPM, DCM
Niken	LB	16,090.00	0.53%	2.14%	0.80%	-37.90%		PC1
Đồng	LB	3.76	1.55%	1.41%	-0.23%	-8.90%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,370.00	0.00%	0.00%	-3.66%	-14.13%		CSV
Thép	CNY/ton	3,901.00	0.44%	0.83%	1.67%	-3.42%		HPG
Nhôm	Ton	2,226.00	-0.43%	0.20%	0.54%	-7.02%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 16/02, dầu thô Brent tăng 0.66 USD hay 1.51% lên 82.83 USD/thùng, dầu WTI tăng 0.50 USD hay 1.98% lên 78.16 USD/thùng.
- Giá dầu tăng do lo ngại căng thẳng ở Trung Đông và xung đột Nga – Ukraine tiếp diễn có thể hạn chế nguồn cung dầu toàn cầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.59% lên 2,004.16 USD/ounce sau khi xuống mức thấp nhất kể từ ngày 25/1 trong đầu phiên này. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 4 đóng cửa giảm 0.5% xuống 2042.9 USD/ounce.
- Giá vàng giảm xuống mức thấp nhất trong hơn một tuần bởi USD và lợi suất trái phiếu mạnh lên sau một báo cáo việc làm mạnh mẽ của Mỹ và nhận xét từ các quan chức Fed làm tiêu tan dự đoán về việc cắt giảm lãi suất sớm.

Quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên, Trung Quốc đóng cửa giảm 0.63% xuống 943 CNY (131.02 USD)/tấn. Quặng sắt kỳ hạn tháng 3 tại Singapore tăng 0.33% lên 126.7 USD/tấn, xóa đi một phần mức tăng trước đó.
- Giá quặng sắt Đại Liên giảm trong bối cảnh tồn kho ở cảng cao và lo lắng kéo dài về bất động sản tại Trung Quốc trong khi quặng sắt tại Singapore phục hồi nhẹ.

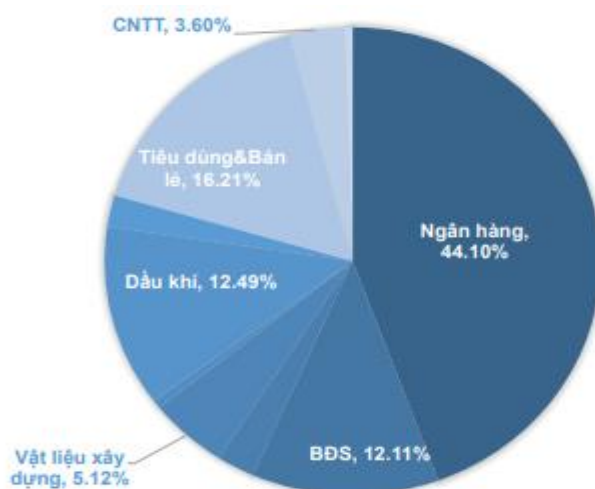
Giá hàng hóa khác

- Đường thô kỳ hạn tháng 3 đóng cửa giảm 0.36 US cent hay 1.5% xuống 23.53 US cent/lb. Các đại lý cho biết thị trường suy yếu do giá không vượt ngưỡng 24 US cent ngoài ra chiều hướng của giá không rõ ràng.
- Cà phê robusta kỳ hạn tháng 3 đóng cửa giảm 49 USD hay 1.5% xuống 3,188 USD/tấn. Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3 giảm 1.3% xuống 1.895 USD/lb.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	89.6	-0.3%	0.6	20,524	2.7	6,013	14.9	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	48.6	-0.8%	0.9	11,342	2.7	3,887	12.5	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.8	0.3%	1.1	6,454	6.0	1,532	13.0	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	38.5	0.3%	1.1	5,558	11.4	5,111	7.5	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	24.0	-0.6%	1.1	5,129	15.9	3,668	6.5	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.8	-1.4%	1.0	2,380	26.2	3,825	8.1	31,200	22.5%	Link
GVR	BĐS KCN	26.6	6.8%	1.5	4,369	8.3	583	45.7	19,100	0.3%	Link
KBC	BĐS KCN	31.4	1.3%	1.7	989	10.2	1,880	16.7	42,500	20.8%	Link
IDC	BĐS KCN	56.3	0.4%	1.1	761	4.5	3,177	17.7	45,900	17.6%	Link
VGC	BĐS KCN	53.0	1.7%	1.3	974	1.6	3,078	17.2	-	5.4%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.6	-0.3%	1.3	6,816	19.6	322	88.9	23,300	24.5%	Link
VHM	Bất động sản	42.7	1.8%	1.3	7,620	10.5	9,468	4.5	79,900	22.4%	Link
VRE	BĐS	22.5	2.3%	1.2	2,095	7.9	1,818	12.4	38,900	31.0%	Link
KDH	BĐS	31.4	-0.2%	1.5	1,029	1.5	1,079	29.1	44,100	38.0%	Link
NLG	BĐS	39.3	-0.1%	1.4	620	4.9	1,257	31.3	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	95.5	0.1%	1.5	1,486	10.0	8,146	11.7	85,000	18.9%	Link
DPM	Phân bón	34.1	0.3%	1.3	547	3.5	4,017	8.5	41,000	10.0%	Link
DCM	Phân bón	33.9	-0.3%	1.5	736	7.3	2,091	16.2	36,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	76.6	1.2%	0.8	7,210	3.2	5,283	14.5	110,500	2.6%	Link
PLX	Dầu khí	35.3	0.0%	1.0	1,838	0.7	2,628	13.4	45,000	17.1%	Link
PVS	Dầu khí	37.2	-0.5%	0.8	729	7.3	1,846	20.2	38,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	28.5	-0.3%	1.1	649	4.9	780	36.5	29,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.5	0.9%	0.8	1,104	1.4	609	18.9	14,500	4.0%	Link
VNM	F&B	70.0	3.6%	0.7	5,996	31.9	4,027	17.4	81,700	53.9%	Link
MSN	F&B	66.2	2.0%	1.7	3,882	7.4	570	116.1	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	46.3	1.0%	1.6	2,775	9.5	476	97.2	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	90.5	-0.4%	0.5	1,241	1.7	5,506	16.4	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	66.7	1.4%	0.9	614	1.9	4,793	13.9	90,900	32.2%	Link
GMD	Logistics	69.8	0.4%	0.9	875	2.8	7,504	9.3	57,000	48.2%	Link
FPT	Công nghệ	105.1	1.1%	0.7	5,470	8.9	5,095	20.6	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	35.2	0.7%	1.1	7,758	10.8	3,773	9.3	1.4	27.1%	16.1%
ACB	Ngân hàng	27.6	1.5%	0.8	4,393	10.7	4,131	6.7	1.5	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	23.3	-1.5%	0.8	2,762	5.8	2,926	8.0	1.6	19.6%	23.2%
LPB	Ngân hàng	18.0	-1.4%	0.8	1,882	2.7	2,179	8.2	1.3	2.6%	15.9%
VIB	Ngân hàng	22.1	0.0%	1.2	2,298	4.7	3,375	6.5	1.5	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	23.2	0.9%	1.6	1,158	30.5	1,662	14.0	1.7	22.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	18.9	0.3%	1.0	1,705	11.1	2,027	9.3	1.3	29.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	35.0	-0.3%	1.2	2,150	25.9	1,342	26.1	2.3	43.2%	9.0%
CII	Xây dựng	19.1	-0.5%	1.7	249	7.3	368	52.0	-4.7	6.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.7	0.0%	1.5	0	0.4	458	25.6	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	66.3	-1.0%	0.9	272	3.2	1,388	47.8	0.8	44.3%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.9	-0.6%	1.4	268	3.3	1,004	15.8	0.7	6.7%	4.2%
LCG	Xây dựng	13.2	-0.4%	1.4	103	2.7	456	29.0	1.0	2.1%	3.8%
BCM	KCN	63.6	-0.2%	0.9	2,698	1.5	432	147.4	3.9	2.1%	1.7%
HUT	KCN	19.2	0.5%	1.6	702	2.5	54	357.3	1.9	1.6%	1.3%
PHR	KCN	55.3	2.4%	1.1	307	1.2	4,592	12.0	2.0	15.8%	26.9%
SZC	KCN	42.0	1.3%	1.5	310	3.6	1,827	23.0	2.9	3.2%	10.9%
HSG	Vật liệu	23.4	-0.2%	1.7	590	6.9	1,321	17.7	1.3	22.1%	2.3%
HT1	Vật liệu	13.2	0.4%	1.4	206	0.1	44	296.6	1.1	3.1%	1.3%
NKG	Vật liệu	24.6	-0.6%	1.6	265	5.7	(974)	-25.2	1.3	16.0%	13.5%
PTB	Vật liệu	55.5	0.0%	0.5	152	0.4	4,721	11.8	1.4	20.9%	13.4%
KSB	Vật liệu	29.7	-1.0%	1.6	93	5.8	1,210	24.5	1.1	3.0%	5.8%
NVL	BDS	17.7	1.1%	2.0	1,415	25.7	(309)	-57.3	0.9	3.5%	1.9%
DXG	BDS	19.0	1.3%	2.0	560	10.8	(456)	-41.5	1.3	20.0%	3.4%
HDC	BDS	31.4	1.3%	1.4	174	3.4	1,898	16.5	2.3	1.3%	16.9%
DIG	BDS	27.8	0.5%	1.8	696	29.3	182	153.2	2.2	5.2%	1.1%
IJC	BDS	15.2	-0.3%	1.4	157	1.3	1,569	9.7	1.0	5.9%	10.9%
BSR	Dầu khí	18.9	0.5%	1.2	0	2.1	2,493	7.6	1.1	0.8%	9.7%
PVT	Dầu khí	27.5	2.8%	0.8	365	6.7	2,926	9.4	1.3	12.3%	16.4%
PLC	Vật liệu	32.4	0.0%	1.2	107	0.2	1,287	25.2	2.0	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	32.0	0.0%	0.8	156	1.1	2,086	15.3	2.1	13.6%	13.5%
REE	Tiện ích	58.7	0.7%	0.8	983	2.1	5,879	10.0	1.4	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	22.4	1.6%	1.9	780	17.5	511	43.8	1.6	12.6%	5.4%
NT2	Tiện ích	25.8	0.4%	0.9	304	0.7	1,718	15.0	1.7	13.4%	16.2%
HDG	Bất động sản	27.0	-0.6%	1.2	339	1.7	2,194	12.3	1.5	22.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	29.2	-2.0%	1.4	372	11.8	936	31.1	1.9	8.5%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.2	-0.4%	0.8	185	0.1	308	42.8	1.0	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.6	4.7%	1.8	188	4.9	(118)	-73.3	0.7	1.7%	0.3%
SAB	F&B	58.0	-0.7%	0.9	3,049	2.6	3,286	17.7	3.1	61.7%	18.7%
QNS	F&B	48.4	0.8%	0.6	0	2.4	6,134	7.9	2.0	15.5%	24.3%
FRT	Bán lẻ	124.5	-0.7%	0.7	695	2.2	(1,103)	-112.9	11.0	36.2%	11.8%
DGW	Bán lẻ	57.1	-0.7%	1.5	391	3.1	2,517	22.7	3.7	23.4%	21.9%
DBC	F&B	28.8	1.6%	1.5	286	14.1	(250)	-115.2	1.5	4.5%	2.9%
PET	Bán lẻ	25.5	1.2%	1.3	112	0.4	735	34.7	1.5	1.0%	5.7%
BAF	F&B	25.6	-0.4%	0.3	150	1.8	139	183.8	2.1	0.3%	10.2%
ANV	Thủy sản	31.2	0.2%	1.3	170	1.6	314	99.3	1.7	3.0%	10.0%
VSC	Logistics	22.4	2.5%	1.2	246	4.3	1,010	22.2	1.1	2.5%	7.9%
HAH	Logistics	41.4	3.1%	1.5	179	6.0	4,676	8.9	1.7	3.9%	24.6%
CTR	Công nghệ	97.2	1.6%	0.9	456	1.0	4,346	22.4	6.2	10.1%	32.1%
TNG	Dệt may	20.8	-1.0%	1.1	97	1.1	2,030	10.2	1.5	18.6%	17.1%

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
5	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2024	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639